

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện phải đi làm xa nên chị B yêu cầu xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho anh Lương Văn S nhưng anh S không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lương Văn S. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh S có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị B và anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị B và anh S tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2004 tại UBND xã T. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để anh chị có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S đều vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh S.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Lương Đông Âu – sinh ngày 03/3/2003 và Lương Tiểu Băng – sinh ngày 11/8/2008 đang sống với chị B. Cháu Âu đã trưởng thành nên không yêu cầu, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Băng, xét thấy cháu Băng đang sinh sống ổn định với chị B và có nguyện vọng ở với chị B nên cần giao cháu Băng cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị B không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị B xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận về việc không có nợ ngày 04/3/2021 chính quyền địa phương xã T cũng xác định không ai thừa kiện anh chị về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị B đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn B và anh Lương Văn S.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn B.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn B được ly hôn với anh Lương Văn S.

Về con chung: Giao cháu Lương Tiểu Băng – sinh ngày 11/8/2008 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 04/3/2021 chị B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011535 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Chị B và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *Tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *UBND xã Tân Phú*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Phạm Lan Chi**